

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2019

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đàm Thuyên

Bà Lý Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Thanh T; sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Hứa Thị Tr; tên gọi khác: Hứa Thị Huyền Tr; sinh năm: 1977; Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi làm việc: Công ty TNHH xuất nhập khẩu Th, Cụm công nghiệp đa nghề Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Anh Vũ Thanh T trình bày: Anh và Chị Hứa Thị Tr (Hứa Thị Huyền Tr) tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại xã Đ, huyện B, nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn và cho đến nay anh chị cũng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị có với nhau hai con chung nhưng vợ chồng thường xuyên xảy

ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vì các con anh T đã cố gắng chịu đựng để gia đình được êm ấm. Đến năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân như vậy nên Anh Vũ Thanh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Hứa Thị Tr. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thế A, sinh ngày 04/12/2000; Vũ Trường G, sinh ngày 27/8/2006. Khi ly hôn cháu Vũ Thế A đã đủ 18 tuổi nên anh T không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết; Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Trường G cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên sau khi biết nguyện vọng của cháu G muốn được ở với mẹ, anh T nhất trí giao cháu Vũ Trường G cho Chị Hứa Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T cấp dưỡng nuôi cháu G với mức 1.000.000^d (Một triệu đồng) trên 01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, vì vậy khi ly hôn không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Chị Hứa Thị Tr không đến tham gia tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh nơi làm việc của chị Tr thu thập chứng cứ. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/4/2019, bị đơn là Chị Hứa Thị Tr (Hứa Thị Huyền Tr) trình bày: Chị và Anh Vũ Thanh T chung sống với nhau từ cuối năm 1999, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Chị và anh T không có đăng ký kết hôn là do anh chị có đến UBND xã Đ, huyện B để đăng ký kết hôn nhưng do anh T không mang theo chứng minh thư nhân dân nên UBND xã không cho đăng ký kết hôn, cho đến nay anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình anh chị chung sống hầu như không xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống nhưng vợ chồng vẫn yêu thương nhau. Anh T làm nghề lái xe, chị Tr một mình chăm sóc bố mẹ chồng tại quê chồng ở xã A, huyện Q, Thái Bình nhưng đến ngày 29/5/2016 (âm lịch) đúng ngày giỗ của mẹ chồng chị thì anh T đưa bố và con riêng khoảng hơn 01 tuổi về nhà chị ở Thái Bình, sau đó chị đã gọi gia đình nhà chồng đến can thiệp nhưng không có kết quả. Tuy nhiên anh chị không xảy ra cãi nhau nhưng quan hệ vợ chồng xa lánh nhau dần. Cũng từ hôm đó chị Tr đưa 02 con về Hà Giang sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không hề quan hệ, qua lại gì với với nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nhưng vì chị không muốn các con thiếu bố hoặc thiếu mẹ nên không đồng ý ly hôn với Anh Vũ Thanh T. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thế A, sinh ngày 09/12/2000; Vũ Trường G, sinh ngày 28/8/2006. Hiện nay cháu Vũ Thế A đã trưởng thành nên chị Tr không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết; còn cháu Vũ Trường G hiện nay đang ở với chị, nếu ly hôn Chị Hứa Thị Tr xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu G với mức 1.000.000^d (Một triệu đồng)

trên 01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Do chị không đồng ý ly hôn anh T nên chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ, trích chia công sức.

Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang và Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nơi cư trú của Chị Hứa Thị Tr và Anh Vũ Thanh T đã xác nhận Chị Hứa Thị Tr và Anh Vũ Thanh T không đăng ký kết hôn theo luật định. Đồng thời tại các biên bản xác minh ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với mẹ đẻ Chị Hứa Thị Tr, trưởng thôn K, xã Đ, cán bộ tư pháp và Trưởng Công an xã Đ phản ánh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con chung và hộ khẩu thường trú của Chị Hứa Thị Tr và Anh Vũ Thanh T như sau: Chị Hứa Thị Tr (Hứa Thị Huyền Tr) và Anh Vũ Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 do anh chị tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn chị Tr, anh T đi làm ăn ở Hà Nội và thuê nhà ở Hà Nội sống với nhau là chủ yếu. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo mẹ đẻ chị Tr cho biết là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thế A, sinh ngày 04/12/2000 và Vũ Trường G, sinh ngày 27/8/2006. Chị Tr cùng hai con có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Đ, tuy nhiên hiện nay cháu Vũ Thế A đã chuyển khẩu về tỉnh Thái Bình, còn cháu Vũ Trường G đã chuyển khẩu lên huyện Đ, tỉnh Hà Giang ở với dì của cháu được 03 năm nay. Chị Tr có nhà riêng tại thôn K, xã Đ nhưng đi làm ăn ở xa thỉnh thoảng mới về nhà.

Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang nơi cư trú của cháu Vũ Trường G là con chung của Chị Hứa Thị Tr và Anh Vũ Thanh T. Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Vũ Trường G trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu G muốn được ở với mẹ vì mẹ quan tâm đến cháu nhiều hơn. Tại các biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang cho thấy hiện cháu Vũ Trường G đang có cuộc sống, sinh hoạt ổn định với gia đình dì ruột của cháu tại tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Vũ Thanh T và Chị Hứa Thị Tr (Hứa Thị Huyền Tr); Việc nuôi con: Hiện nay cháu Vũ Thế A, sinh ngày 04/12/2000 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết; giao cháu Vũ Trường G, sinh ngày 27/8/2006 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, Anh Vũ Thanh T cấp dưỡng nuôi cháu G với mức 1.000.000^d (Một triệu đồng) trên 01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về án phí Anh Vũ Thanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn Anh Vũ Thanh T có đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với bị đơn là Chị Hứa Thị Tr (tên gọi khác: Hứa Thị Huyền Tr), chị Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã Đ, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Vũ Thanh T có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn Chị Hứa Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị Hứa Thị Tr.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Thanh T và Chị Hứa Thị Tr tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tuy nhiên kể từ khi chung sống và cho đến nay anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang và UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nơi anh chị cư trú về tình trạng hôn nhân của anh chị. Hội đồng xét xử thấy rằng việc Anh Vũ Thanh T và Chị Hứa Thị Tr chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đồng thời tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng."

Do đó, mặc dù Anh Vũ Thanh T xin ly hôn, chị Tr không nhất trí ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng các quy định trên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Vũ Thanh T và Chị Hứa Thị Tr.

[2.2] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thế A, sinh ngày 04/12/2000 và cháu Vũ Trường G, sinh ngày 27/8/2006. Hiện nay cháu Vũ Thế A đã trưởng thành nên anh T, chị

Tr không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết; Chị Hứa Thị Tr cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Trường G cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu G với mức 1.000.000^d (Một triệu đồng) trên 01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết, anh T nhất trí giao cháu G cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu G với mức 1.000.000^d (Một triệu đồng) trên 01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Mặt khác cháu Vũ Trường G có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện nay cháu Vũ Trường G đang sống cùng với dì ruột của cháu và có cuộc sống ổn định tại tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (do điều kiện chị Tr đi làm ăn xa nên gửi cháu G sống cùng em gái chị Tr). Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Vũ Trường G cho Chị Hứa Thị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Vũ Thanh T cấp dưỡng nuôi con với mức: 1.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

[2.3] *Về chia tài sản chung, công nợ chung*: Anh Vũ Thanh T và Chị Hứa Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Vũ Thanh T và Chị Hứa Thị Tr (*Tên gọi khác: Hứa Thị Huyền Tr*).

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Vũ Trường G, sinh ngày 27/8/2006 cho Chị Hứa Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, Anh Vũ Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Trường G. Cụ thể như sau:

- + Mức cấp dưỡng: 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên một tháng;
- + Thời gian cấp dưỡng: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vũ Trường G đủ 18 tuổi;
- + Phương thức cấp dưỡng: Theo định kỳ hàng tháng;

+ Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Trường G là: Chị Hứa Thị Tr (Hứa Thị Huyền Tr).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh T, chị Tr có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Vũ Thanh T phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000673 ngày 11 tháng 01 năm 2019. Số tiền án phí Anh Vũ Thanh T còn phải nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Hải Hà

